

Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở tỉnh Đồng Tháp

Phạm Ngọc Hòa *

Nhận ngày 22 tháng 8 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 02 năm 2026.

Tóm tắt: Thu nhập có vai trò vô cùng quan trọng, quyết định mức sống của người dân. Mức sống dân cư cao hay thấp, sự phân hóa giàu nghèo, chênh lệch giữa hộ nghèo và hộ giàu phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố, nhưng quan trọng nhất vẫn là mức thu nhập của mỗi hộ gia đình. Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn 399 hộ gia đình ở tỉnh Đồng Tháp trong tháng 6/2025. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình tại tỉnh Đồng Tháp còn thấp (49,1 triệu đồng/năm). Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để xác định mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình. Kết quả cho thấy, các nhân tố có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình là trình độ học vấn của chủ hộ, số lao động trong hộ, quy mô hộ gia đình và diện tích đất sản xuất. Qua đó, nghiên cứu đưa ra các hàm ý chính sách nhằm đa dạng hóa sinh kế và nâng cao thu nhập của hộ gia đình ở tỉnh Đồng Tháp.

Từ khóa: Thu nhập, thu nhập của hộ gia đình, thu nhập phi nông nghiệp, tỉnh Đồng Tháp.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: Income plays an extremely important role in determining people's living standards. High or low living standards, the gap between rich and poor, and the gap between poor and rich households depend on many factors, but the most important one is the income level of each household. The study was conducted through direct interviews with 399 households in Đồng Tháp Province in June 2025. The results showed that the average income per capita of households in the province is still low (49.1 million VND/year). The study used a linear regression model to determine the impact level of factors that affect household income. The results showed that the factors were the education level of the household head, the number of workers in the household, the household size and the area of land the household used for cultivation/production. Thereby, the study provides policy implications to diversify livelihoods and increase income for households in the province.

Keywords: Income, household income, non-agricultural income, Đồng Tháp Province.

Subject classification: Economics

1. Đặt vấn đề

Phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân là một trong những mục tiêu xuyên suốt của quá trình phát triển kinh tế tại Việt Nam. Theo Cục Thống kê (2025), thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành của Việt Nam năm 2024 đạt 5,42 triệu đồng, tăng 453 nghìn đồng so với năm 2023, trong đó khu vực thành thị đạt 6,89 triệu đồng, tăng 631 nghìn đồng; khu vực nông thôn đạt 4,51 triệu đồng, tăng 355 nghìn đồng. Về cơ cấu thu nhập, khu vực thành thị có tỷ trọng thu nhập từ tiền lương, tiền công chiếm ưu thế vượt trội, đạt 62,2% tổng thu nhập bình quân đầu người. Ngược lại, tỷ trọng này tại khu vực nông thôn chỉ chiếm 49,5%, trong khi thu nhập từ hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản lại chiếm đến 17,4% - cao hơn đáng kể so với thành thị (3%). Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp (kinh doanh nhỏ, dịch vụ, làm thuê...) cũng chiếm tỷ trọng cao ở cả hai khu vực, với mức 24,6% ở thành thị và 21,2% ở nông thôn. Mức độ chênh lệch không lớn, cho thấy xu hướng đa dạng hóa thu nhập tại khu vực nông thôn đang gia tăng. Tuy nhiên, nguồn thu nhập của nông hộ ở khu vực nông thôn

* Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Đồng Tháp.

Email: phamhoa2005@gmail.com

thường thiếu tính ổn định so với khu vực thành thị, nhất là trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng khoa học công nghệ được đẩy mạnh, nguy cơ thất nghiệp, thiếu việc làm của nhiều lao động ở khu vực nông thôn có thể gia tăng, cùng với đó là thu nhập có thể bị giảm sút.

Là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Tháp có nhiều tiềm năng, lợi thế trong phát triển nông nghiệp. Do vậy, đa phần các nguồn thu nhập của hộ gia đình địa phương được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động nông nghiệp. Tuy nhiên, thời gian gần đây, do tình trạng đất canh tác bị bạc màu và các yếu tố bất lợi từ điều kiện tự nhiên, thị trường tiêu thụ không ổn định, cũng như hạn chế về nguồn lực sản xuất, các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã và đang xây dựng chiến lược sinh kế theo hướng đa dạng hóa các nguồn thu nhập cả lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Cùng với đó, tỉnh Đồng Tháp rất quan tâm đến vấn đề nâng cao thu nhập cho người dân; tỉnh đã không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp phát triển ổn định và khởi sắc trên nhiều lĩnh vực. Tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2025 đạt 33.399 tỷ đồng, tăng 6,98% so với cùng kỳ năm 2024 (tăng 2.179 tỷ đồng), bằng 45,5% so với kế hoạch năm. Các khu vực kinh tế đều tăng trưởng khá tốt, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,79% (công nghiệp tăng 9,10%; xây dựng tăng 7,28%); khu vực thương mại và dịch vụ (kể cả thuế) tăng 8,47% (dịch vụ tăng 8,79%; thuế sản phẩm tăng 6,79%) (Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, 2025). Đời sống của dân cư tiếp tục được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành năm 2024 là 5,31 triệu đồng, tăng 8,31% so với năm 2023. Tuy nhiên thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Đồng Tháp năm 2024 thấp hơn mức bình quân cả nước khoảng 1,96%, cả nước là 65,04 triệu đồng/năm (Cục Thống kê, 2025). Cho nên, cần có những giải pháp thiết thực để cải thiện thu nhập của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Thu nhập của hộ gia đình là vấn đề quan trọng được quan tâm hàng đầu đối với mỗi cá nhân, gia đình và Chính phủ trong mỗi quốc gia. Cho nên, quan niệm về thu nhập của hộ gia đình không cố định mà nó được xét trên nền tảng của một chế độ chính trị, gắn với trình độ phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia, mỗi thời đại. Theo Singh et al (1986), thu nhập của hộ gia đình gồm thu nhập từ nông nghiệp và thu nhập từ phi nông nghiệp.

Ở Việt Nam, mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau về thu nhập của hộ gia đình, song đa số các tác giả đều thống nhất với định nghĩa của Cục Thống kê (2025): “Thu nhập của hộ gia đình được hiểu là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật mà hộ và các thành viên trong hộ nhận được trong một khoảng thời gian nhất định (thông thường là một năm), bao gồm: Thu từ tiền công, tiền lương; thu từ hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (đã trừ chi phí sản xuất và thuế sản xuất); thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (đã trừ chi phí sản xuất và thuế sản xuất); thu khác được tính vào thu nhập (không tính các khoản thu như: tiền rút tiết kiệm, bán tài sản, vay thuần túy, thu nợ và các khoản chuyển nhượng vốn nhận được)”.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Cỡ mẫu phỏng vấn được áp dụng theo công thức Yamane (1967):

$$n = \frac{N}{1 + Ne^2}$$

Trong đó: n là số mẫu cần phỏng vấn, N là tổng thể của đối tượng được phỏng vấn, e là sai số cho phép với độ tin cậy 95%. Do đó cỡ mẫu đạt yêu cầu được xác định theo công thức Yamane

vào khoảng 399 quan sát. Số liệu được thu thập trong tháng 6/2025 thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng phương pháp phi ngẫu nhiên thuận tiện với bảng câu hỏi cấu trúc.

Ngoài ra, còn thu thập thông tin thứ cấp từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm các báo cáo, các số liệu của các cơ quan thống kê; các nghiên cứu trong và ngoài nước để phục vụ cho nghiên cứu. Các thông tin đã thu thập được tổng hợp, tính toán và phân tích bằng phần mềm Excel và SPSS 26.0.

2.2.2. Mô hình nghiên cứu

2.2.2.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình được thể hiện qua hàm hồi quy tuyến tính như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_i X_i + u$$

Trong đó:

- Y: là biến phụ thuộc (thu nhập của hộ gia đình).
- β_0 : là hệ số tự do, nó cho biết giá trị trung bình của biến Y khi các biến $X_1, X_2, \dots, X_i$ bằng 0.
- $X_1, X_2, \dots, X_i$ là các biến độc lập (biến giải thích, cụ thể như tuổi của chủ hộ, trình độ học vấn của người quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh, số lao động của hộ, quy mô hộ, nghề nghiệp, diện tích đất canh tác).
- $\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_i$: hệ số hồi quy cho biết khi biến $X_1, X_2, \dots, X_i$ tăng (hay giảm) 1 đơn vị thì trung bình Y sẽ thay đổi (tức là tăng hay giảm) bao nhiêu đơn vị với điều kiện các biến khác không đổi.
- u là sai số ước lượng (phần dư).

2.2.2.2 Mô tả biến và giả thuyết của mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình

$$THUNHAP = \beta_0 + \beta_1 TUOI + \beta_2 HOCVAN + \beta_3 NGHENGHIEP + \beta_4 DATSX + \beta_5 QUYMOHO + \beta_6 LAODONG + \beta_7 PHUTHUOC + e_i$$

Bảng 1: Ý nghĩa của các biến trong mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình

Biến	Tên biến	Diễn giải	Đơn vị đo lường	Kỳ vọng về dấu của các hệ số β_i
Y	Biến phụ thuộc (THUNHAP)	Thu nhập bình quân/người/năm	Triệu đồng	
X_1	Tuổi của chủ hộ (TUOI)	Tuổi của người quyết định hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuổi của chủ hộ được tính bằng số năm sống của chủ hộ kể từ khi được sinh ra cho đến thời điểm khảo sát.	Số năm	-
X_2	Trình độ học vấn của chủ hộ (HOCVAN)	Thể hiện số năm đi học của chủ hộ, học vấn của chủ hộ hay số năm thực tế đi học của chủ hộ có tác động cùng chiều với thu nhập của lao động trong hộ và thu nhập chung của hộ.	Số năm	+
X_3	Nghề nghiệp của chủ hộ (NGHENGHIEP)	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.		-

X ₄	Diện tích đất sản xuất (DATSX)	Thể hiện diện tích đất canh tác của hộ. Khi diện tích đất sản xuất càng lớn sẽ làm tăng thu nhập của hộ. Giả thuyết đưa ra là quy mô diện tích đất sản xuất của hộ có quan hệ cùng chiều với thu nhập bình quân.	1.000 m ²	+
X ₅	Quy mô hộ (QUYMOHO)	Tổng số thành viên trong gia đình bao gồm cả thành viên trong độ tuổi lao động và thành viên phụ thuộc. Giả thuyết đưa ra là số người trong hộ càng lớn, sẽ làm tăng thu nhập của hộ.	Người	+
X ₆	Số lao động của hộ (LAODONG)	Số người trong độ tuổi lao động thực tế có tham gia lao động của hộ. Giả thuyết là nếu số lao động tham gia sản xuất càng nhiều thì hiệu quả kinh tế trong sản xuất của hộ gia đình càng tăng.	Người	+
X ₇	Tỷ lệ phụ thuộc (PHUTHUOC)	Đo lường bởi tỷ lệ % tổng số người không nằm trong độ tuổi lao động trong tổng số người trong độ tuổi lao động. Giả thuyết là nếu số người phụ thuộc càng nhiều thì thu nhập của hộ càng giảm.	%	-

Nguồn: Tác giả thực hiện

Dấu kỳ vọng “+” thể hiện mối tương quan thuận giữa biến độc lập và biến phụ thuộc, nghĩa là khi biến độc lập tăng lên 1 đơn vị sẽ làm tăng thu nhập của hộ. Trái lại, dấu “-” kỳ vọng sẽ phản ánh mối tương quan nghịch giữa biến độc lập và biến phụ thuộc cần giải thích.

2.2.3. Dữ liệu nghiên cứu

Phòng vấn trực tiếp 399 hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Các dữ liệu đã thu thập được tổng hợp, tính toán và phân tích bằng phần mềm Excel và SPSS 26.0.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

Giới tính chủ hộ là một trong những yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến quyết định loại hình sản xuất kinh doanh trong gia đình. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 298 chủ hộ là nam giới (chiếm 74,7%) trong 399 hộ gia đình, trong khi đó chủ hộ là nữ (101 hộ) chiếm 25,3%. Điều này hoàn toàn phù hợp vì theo truyền thống nam giới thường là người đủ kinh nghiệm để quyết định các vấn đề trong gia đình hay các vấn đề liên quan đến thu nhập. Qua khảo sát 399 hộ cho thấy độ tuổi của chủ hộ thuộc 4 nhóm tuổi. Nhóm chủ hộ có độ tuổi dưới 31 chỉ chiếm 4,5%; trong khi đó nhóm chủ hộ từ 31-40 tuổi chiếm tỷ lệ 20,5%; nhóm chủ hộ từ 41-50 tuổi chiếm tỷ lệ 32,6% và cao nhất là nhóm chủ hộ có độ tuổi trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ đến 42,4% trên tổng số độ tuổi của chủ hộ. Đây là hai nhóm có khả năng mang lại nguồn thu nhập đa dạng cho hộ gia đình từ các hoạt động nông nghiệp lẫn phi nông nghiệp. Do ở độ tuổi này các chủ hộ vẫn còn đủ sức khỏe để tiếp tục tham gia các hoạt động sản xuất nhằm mang lại nguồn thu nhập đa dạng.

Về trình độ học vấn của chủ hộ, có đến 230 hộ chiếm 57,7% người có trình độ văn hóa từ lớp 12 trở xuống (trong đó có 2,3% chưa tốt nghiệp, không đi học; 29,1 có trình độ tiểu học, trung học cơ sở và 26,3% có trình độ trung học phổ thông). Chỉ có 30 hộ có trình độ sơ cấp, trung cấp chiếm tỷ trọng 7,5%; còn lại là 139 hộ có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm tỷ trọng 34,8%. Cùng với đó, cơ cấu nghề nghiệp chủ yếu tập trung vào ba nhóm chính: công chức/viên chức (29,8%), nông dân (24,6%) và tự kinh doanh/buôn bán nhỏ (14,8%). Các nhóm còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ hơn như công nhân, lao động thời vụ và nhân viên văn phòng. Do đó, trong bối

cảnh phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề, tạo việc làm ổn định, và chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành có giá trị gia tăng cao là hết sức cần thiết nhằm nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống hộ gia đình.

Bảng 2: Quy mô hộ gia đình

Quy mô hộ	Tần số	Tỷ trọng (%)
< 2 người	24	6,0
2 - 4 người	250	62,6
4 - 6 người	110	27,6
Trên 6 người	15	3,8
Tổng	399	100,0

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của khảo sát 2025.

Quy mô hộ cũng phản ánh nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội, dân số và kinh tế, góp phần không nhỏ vào sự đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình. Theo kết quả ở bảng 3, đa số các hộ được khảo sát có từ 2 - 4 thành viên chiếm 62,6%, số hộ từ 4 - 6 thành viên chiếm 27,6%. Trong đó số hộ có trên 6 người là 15 hộ chiếm 3,8%. Đây là điều kiện thuận lợi cho phép hộ gia đình tham gia nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh và đa dạng hóa nguồn thu nhập. Điều đó cho thấy, hộ càng có nhiều thành viên thì khả năng đa dạng hóa thu nhập của hộ càng cao.

Về số lao động của hộ gia đình, ở bảng 4 cho thấy, có 216 hộ có 2 lao động chiếm tỷ trọng cao nhất với 54,1%, số hộ có 3 lao động (94 hộ) chiếm 23,6% và số hộ có 4 lao động là (56 hộ) chiếm 14,0%; có 33 hộ chỉ có một hoặc không thành viên lao động chiếm 8,3%. Điều này gây trở ngại rất lớn đến việc tạo thu nhập của hộ gia đình, những hộ có hoàn cảnh neo đơn này cần có một hướng phát triển khác riêng biệt so với những hộ còn lại.

Bảng 3: Số lao động của hộ gia đình

Số lao động	Tần số (hộ)	Tỷ trọng (%)
0	3	0,8
1	30	7,5
2	216	54,1
3	94	23,6
4	56	14,0
Tổng	399	100,0

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của khảo sát, 2025.

3.2.2. Nguồn thu nhập của hộ gia đình

Dựa trên thông tin từ bộ số liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình của Cục thống kê, thu nhập của hộ gia đình được xác định từ 4 nguồn sau đây: (i) Thu nhập từ tiền lương, tiền công; (ii) Thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; (iii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán hàng hóa, dịch vụ; (iv) Thu nhập từ tiết kiệm, trợ cấp xã hội, cho thuê tài sản, thừa kế.

Bảng 4: Cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình phân theo nguồn thu (triệu đồng)

Nguồn thu nhập	Phân theo	Tần số (Hộ)	Thấp nhất	Cao nhất	Thu nhập bình quân
Thu nhập từ tiền lương, tiền công	Chung (N=399)	343	10	695	156,4
	Hộ có đa dạng hóa	200	10	695	131,5
	Hộ không đa dạng	143	20	576	191,4
Thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản	Chung (N=399)	193	5	600	64,3
	Hộ có đa dạng hóa	160	10	350	60,3

	Hộ không đa dạng	33	5	600	84,2
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán hàng hóa, dịch vụ	Chung (N=399)	119	6	700	90,1
	Hộ có đa dạng hóa	101	6	700	90,6
	Hộ không đa dạng	18	10	207	87,5
Thu nhập từ các khoản tiết kiệm, trợ cấp xã hội, cho thuê nhà đất và thừa kế tài sản	Chung (N=399)	55	5	180	35,5
	Hộ có đa dạng hóa	49	5	180	38,6
	Hộ không đa dạng	6	5	20	10,5

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2025.

Trong đó, nguồn thu nhập chính của các hộ gia đình là từ tiền lương, tiền công với 343 hộ, chiếm tỷ trọng 85,9%. Mức thu nhập bình quân đạt 156,4 triệu đồng/hộ/năm. Tuy nhiên, có sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm: hộ có đa dạng hóa chỉ đạt 131,5 triệu, thấp hơn đáng kể so với hộ không đa dạng hóa (191,4 triệu). Điều này cho thấy các hộ không đa dạng hóa thường tập trung vào công việc ổn định (công chức, viên chức, lao động có hợp đồng dài hạn), trong khi nhóm đa dạng hóa thường kết hợp lao động thời vụ hoặc việc làm có tính linh hoạt hơn, nên mức lương bình quân thấp hơn. Ở bảng 4 cho thấy, có 193 hộ tham gia sản xuất nông nghiệp, chiếm tỷ trọng 48,4%, với thu nhập bình quân 64,3 triệu đồng. Nhóm đa dạng hóa chiếm tỷ trọng lớn hơn (160 hộ), nhưng thu nhập bình quân chỉ đạt 60,3 triệu, thấp hơn so với nhóm không đa dạng hóa (84,2 triệu). Điều này phản ánh rằng các hộ chỉ tập trung vào nông nghiệp thường có diện tích đất sản xuất lớn hơn hoặc đầu tư tập trung, nhờ đó thu nhập cao hơn. Ngược lại, hộ đa dạng hóa có thể xem nông nghiệp như nguồn bổ sung nên hiệu quả thấp hơn. Trong khi đó, có 119 hộ có thu nhập từ hoạt động kinh doanh, buôn bán hàng hóa, dịch vụ, chiếm tỷ trọng 29,8% với thu nhập bình quân đạt 90,1 triệu đồng. Chênh lệch giữa hai nhóm hộ gần như không đáng kể: hộ đa dạng hóa đạt 90,6 triệu, trong khi hộ không đa dạng hóa đạt 87,5 triệu. Và có 55 hộ, chiếm tỷ trọng 13,8% là thu nhập từ tiết kiệm, trợ cấp xã hội, cho thuê tài sản và thừa kế. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai nhóm khá rõ: hộ đa dạng hóa đạt bình quân 38,6 triệu đồng, trong khi hộ không đa dạng hóa chỉ đạt 10,5 triệu đồng. Điều này cho thấy, việc tăng số lượng hoạt động tạo thu nhập không đồng nghĩa với việc tăng thu nhập, đặc biệt khi nguồn lực hộ bị phân tán hoặc hiệu quả sử dụng nguồn lực thấp.

Bảng 5: Mức thu nhập của hộ gia đình phân theo nhóm hộ

Mức thu nhập/năm	Tần số (Hộ)	Tỷ trọng (%)	Hộ không đa dạng	Tỷ trọng (%)	Hộ có đa dạng hóa	Tỷ trọng (%)
Dưới 50 triệu đồng	29	7,3	14	3,5	15	3,8
Từ 50 - 100 triệu đồng	64	16,0	26	6,5	38	9,5
Từ 100 - 150 triệu đồng	69	17,3	19	4,8	50	12,5
Từ 150 - 200 triệu đồng	107	26,8	45	11,3	62	15,5
Trên 200 triệu đồng	130	32,6	72	18,0	58	14,6
Tổng	399	100,0	176	44,1	223	55,9

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2025.

Ở bảng 5 cho thấy, có 29 hộ chiếm tỷ trọng 7,3% có thu nhập dưới 50 triệu đồng/năm, trong đó hộ không đa dạng hóa chiếm 3,5% và hộ có đa dạng hóa chiếm 3,8%. Nhóm hộ có thu nhập từ 50-100 triệu đồng/năm là 64 hộ, chiếm tỷ trọng 16,0%, trong đó hộ có đa dạng hóa chiếm 9,5%, cao hơn so với hộ không đa dạng hóa chiếm tỷ trọng 6,5%. Nhóm hộ có thu nhập từ 100-150 triệu đồng/năm là 69 hộ, chiếm tỷ trọng 17,3%, trong đó hộ có đa dạng hóa chiếm 12,5%, gấp hơn 2 lần so với hộ không đa dạng hóa là 4,8%. Đây là minh chứng rõ ràng, đa dạng hóa đóng vai trò quan trọng trong việc giúp hộ đạt mức thu nhập trung bình. Nhóm hộ có thu nhập từ 150-200 triệu đồng/năm là 107 hộ, chiếm tỷ trọng 26,8%, trong đó hộ có đa dạng hóa chiếm 15,5%, cao hơn so với nhóm không đa dạng hóa với tỷ trọng 11,3%. Riêng nhóm hộ có thu nhập trên 200

triệu đồng/năm là 130 hộ, chiếm tỷ trọng 32,6%, trong đó, hộ không đa dạng hóa chiếm tỷ trọng cao nhất 18,0% so với hộ đa dạng hóa chỉ có 14,6%. Do đó, đa dạng hóa thu nhập có vai trò quan trọng trong việc nâng cao thu nhập hộ gia đình và giảm thiểu rủi ro kinh tế, nhất là trong bối cảnh nhiều hộ gia đình chịu ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, dịch bệnh và biến động lao động.

Bảng 6: Thu nhập bình quân của hộ gia đình phân theo nhóm hộ (triệu đồng)

Thu nhập	Nhóm hộ	Tần số (Hộ)	Thấp nhất	Cao nhất	Thu nhập bình quân
Thu nhập bình quân hộ/năm	Hộ không đa dạng	176	20	600	180,6
	Hộ có đa dạng hóa	223	28	1.405	210,6
	Tổng số	399	20	1.405	197,4
Thu nhập bình quân đầu người/năm	Hộ không đa dạng	176	4,4	173,3	49,0
	Hộ có đa dạng hóa	223	8,3	351,3	49,2
	Tổng số	399	4,4	351,3	49,1

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2025.

Ở bảng 6, tổng thu nhập nhóm không đa dạng hóa có mức thu nhập bình quân 180,6 triệu đồng/năm, dao động từ 20-600 triệu đồng. Nhóm có đa dạng hóa đạt thu nhập bình quân cao hơn khi có thu nhập 210,6 triệu đồng/năm, với độ dao động lớn hơn (28-1.405 triệu đồng). Như vậy, hộ có đa dạng hóa không chỉ có mức thu nhập trung bình cao hơn, mà còn có phổ dao động rộng hơn, thể hiện khả năng tiếp cận nhiều cơ hội kinh tế hơn so với hộ không có đa dạng hóa.

Trong khi đó, thu nhập bình quân đầu người giữa hai nhóm hầu như không có sự khác biệt đáng kể. Nhóm hộ không đa dạng hóa có mức thu nhập đầu người bình quân 49,0 triệu đồng/năm, dao động từ 4,4-173,3 triệu đồng và nhóm hộ có đa dạng hóa đạt 49,2 triệu đồng/năm, với khoảng dao động lớn hơn (8,3-351,3 triệu đồng). Điều này cho thấy tác động của đa dạng hóa thể hiện rõ hơn ở tổng thu nhập hộ thay vì thu nhập bình quân đầu người.

3.2. Kết quả mô hình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở tỉnh Đồng Tháp

Thu nhập là một chỉ tiêu đánh giá mức sống của hộ và phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tùy vào điều kiện của hộ mà thu nhập phụ thuộc những yếu tố khác nhau. Sự phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập sau đây sẽ cho thấy được các yếu tố chính tác động đến kết quả thu nhập của hộ tại địa bàn nghiên cứu. Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập của hộ gia đình, nghiên cứu xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với biến phụ thuộc (thu nhập) và 07 biến độc lập là tuổi của chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích đất sản xuất, quy mô hộ gia đình, số lao động trong hộ, nghề nghiệp của chủ hộ, tỷ lệ số người phụ thuộc...

Kết quả hồi quy ở bảng 7 cho thấy, các biến quy mô hộ gia đình, diện tích đất sản xuất, trình độ học vấn của chủ hộ, số lao động trong hộ là biến ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập của hộ gia đình. Cụ thể:

Quy mô hộ gia đình có Sig. = 0,000 và hệ số B = 5,413 có ảnh hưởng thuận chiều với thu nhập của hộ gia đình và có ý nghĩa thống kê cao ở mức 1%, điều này phù hợp với giả thuyết đặt ra ban đầu. Khi quy mô hộ gia đình tăng lên 1 người và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập của hộ gia đình tăng 5,4 triệu đồng. Bởi quy mô hộ càng lớn sẽ tạo ra lợi thế trong phân bổ nguồn lực sản xuất, điều này góp phần gia tăng nguồn thu nhập của hộ gia đình.

Diện tích đất sản xuất có Sig. = 0,010 và hệ số B = 0,001 có ảnh hưởng thuận chiều với thu nhập của hộ gia đình và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Khi diện tích đất sản xuất của hộ gia đình tăng lên 1.000 m² và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập của hộ gia đình tăng 0,001 triệu đồng. Đất đai là một trong những nguồn lực quan trọng trong quá trình sản xuất, khi hộ có diện tích đất càng nhiều thì càng thuận lợi và chủ động trong việc lựa chọn hay tham gia hoạt động tạo thu nhập cho gia đình.

Bảng 7: Kết quả của mô hình hồi quy

Tên biến	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa (B)	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa (Beta)	t	Sig.	Hệ số VIF
(Constant)	96,324		6,274	0,000	
Tuổi	-0,431	-0,134	-1,382	0,177	1,303
Học vấn	4,765	0,281	2,093	0,015	1,790
Nghề nghiệp	-1,822	-0,021	-0,355	0,723	1,476
Đất sản xuất	0,001	0,201	2,103	0,010	1,159
Quy mô hộ	5,413	0,185	3,576	0,000	1,080
Số lao động	13,932	0,357	2,048	0,030	1,076
% Số người phụ thuộc/lao động	-0,007	-0,012	-0,240	0,811	1,032

Nguồn: Tác giả thực hiện

Trình độ học vấn của chủ hộ có Sig. = 0,015 và hệ số B = 4,765 cũng ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập của hộ gia đình và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Khi học vấn trung bình của chủ hộ tăng lên 1 năm và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập của hộ gia đình tăng 4,8 triệu đồng. Kết quả này phù hợp với một số nghiên cứu trước đây. Trình độ học vấn là một khía cạnh rất quan trọng để đánh giá chất lượng của nguồn nhân lực. Một nguồn nhân lực được xem là có chất lượng cao khi trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, kỹ năng lao động thành thạo. Trong đó, trình độ học vấn của chủ hộ là yếu tố rất quan trọng, giúp cho chủ hộ nắm bắt được những kiến thức mới, nâng cao khả năng tư duy sáng tạo, mở ra nhiều cơ hội việc làm, góp phần tăng thu nhập của hộ.

Số lao động trong hộ có Sig. = 0,030 và hệ số B = 13,932 là biến ảnh hưởng thuận chiều đến thu nhập của hộ gia đình và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Cụ thể, số người làm việc trong hộ gia đình tăng lên 1 người và các yếu tố khác không đổi thì thu nhập của hộ gia đình tăng 13,9 triệu đồng. Điều này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây, nếu trong gia đình có nhiều người trong độ tuổi lao động (từ 15-60 tuổi và có khả năng lao động) cùng tạo ra nhiều nguồn thu nhập khác nhau thì chắc chắn sẽ góp phần làm tăng thu nhập nhiều hơn cho gia đình.

Ngược lại, ba biến tuổi của chủ hộ, nghề nghiệp của chủ hộ và tỷ lệ số người phụ thuộc trong hộ gia đình là các biến ảnh hưởng trái chiều với thu nhập của hộ gia đình và không có ý nghĩa về mặt thống kê nhưng có quan hệ đồng biến với thu nhập, điều này cho thấy ba biến trên vẫn có tác động làm tăng thu nhập của hộ. Như vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình là diện tích đất sản xuất, trình độ học vấn của chủ hộ, quy mô hộ gia đình và số lao động trong hộ.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

4.1. Kết luận

Nghiên cứu “Giải pháp cải thiện thu nhập thông qua hoạt động đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện với mục tiêu phân tích thực trạng thu nhập, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập và thu nhập của hộ gia đình, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu. Từ kết quả phân tích thống kê mô tả, mô hình hồi quy tuyến tính, nghiên cứu rút ra một số kết luận sau:

Một là, thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình còn thấp chỉ 49,1 triệu đồng/năm, mức thu nhập bình quân đầu người của 399 hộ khảo sát vẫn còn thấp hơn so với mức trung bình của tỉnh (76,6 triệu đồng/năm) và thu nhập bình quân của hộ là 197,4 triệu đồng/năm. Nguồn thu nhập chủ yếu của hộ gia đình chủ yếu từ tiền lương, tiền công và hoạt động sản xuất nông nghiệp; trong khi thu nhập từ hoạt động dịch vụ, kinh doanh nhỏ và phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất thấp với chỉ số SID trung bình là 0,26 ở mức độ ít đa dạng.

Hai là, mức độ đa dạng hóa của các nhóm hộ là khác nhau và có một số yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập như diện tích đất sản xuất, quy mô hộ gia đình, tỉ lệ lao động trong hộ, trình độ học vấn của chủ hộ... Những hộ gia đình thực hiện đa dạng hóa sẽ dẫn đến thu nhập của hộ tăng thêm so với những hộ không đa dạng. Các hộ gia đình có nhiều lao động, diện tích đất sản xuất lớn và trình độ học vấn cao có xu hướng đa dạng hóa thu nhập tốt hơn và đạt mức thu nhập bình quân cao hơn. Ngược lại, những hộ có quy mô nhỏ, thiếu đất sản xuất, thiếu lao động trong độ tuổi hoặc trình độ học vấn thấp thường gặp khó khăn trong việc mở rộng các nguồn thu nhập.

Ba là, về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình, kết quả hồi quy cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ, quy mô hộ gia đình, diện tích đất sản xuất, số lao động trong hộ có ảnh hưởng thuận chiều đến thu nhập của hộ gia đình và có ý nghĩa thống kê.

4.2. Hàm ý chính sách

Thứ nhất, tuyên truyền vận động các chủ hộ nâng cao trình độ học vấn, đồng thời giúp cho thành viên của hộ có khả năng lựa chọn nghề phù hợp với năng lực bản thân và đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc nâng cao trình độ cho các thành viên trong hộ gia đình không chỉ dừng lại ở việc đào tạo kiến thức chuyên môn, mà còn phải làm cho người dân hiểu rõ về ngành nghề mà bản thân họ đang thực hiện, có cách nhìn tích cực hơn về các ngành nghề khác, để giúp họ biết được phương pháp thực hiện mang lại hiệu quả cao, biết tận dụng lợi thế, điểm mạnh mà tiềm năng họ đang nắm giữ, góp phần làm tăng thu nhập cho hộ.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đô thị nhằm thu hút các nhà đầu tư bên ngoài, đồng thời giải quyết việc làm cho những hộ ít hoặc không đất sản xuất. Đồng thời, tăng cường công tác khuyến nông, xây dựng điểm mô hình thu nhập cao, phát triển các loại đặc sản, cây có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của tỉnh Đồng Tháp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nông nghiệp. Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng giá trị gia tăng trên các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Đồng thời, đổi mới và hoàn thiện các chính sách kinh tế liên quan để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, có chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay với mục đích mở rộng sản xuất, kinh doanh. Kịp thời thông tin đến các hộ gia đình về các gói vay hỗ trợ lãi suất thấp, nhằm tạo nguồn vốn tín dụng cho người dân để sản xuất, kinh doanh. Chú trọng tạo nguồn vốn để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để bảo đảm vốn cho phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là vốn sản xuất để hộ gia đình mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Tài liệu tham khảo

- Chi cục thống kê tỉnh Đồng Tháp. (2025). *Niên giám thống kê năm 2024*. Nxb. Thống kê.
- Cục Thống kê. (2025). *Niên giám thống kê năm 2024*. Nxb. Thống kê.
- Ellis, F. (1998). Household strategies and rural livelihood diversification. *The Journal of Development Studies*. 35(1), 1-38.
- Ellis, F. (2000). The determinants of rural livelihood diversification in developing countries. *The Journal of Agricultural Economics*. 51(2), 289-302.
- Hứa Thị Phương Chi, Nguyễn Minh Đức. (2016). Những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*. 4(3), 46-55.
- Singh, I., Squire, L., and Strauss, H.J. (1986). A survey of Agricultural Household Models: Recent Finding and Policy Implications. *The World Bank Economic Review*. 1(1), 149-179.
- United Nations. (2007). The Wye Group Handbook: on Rural Household's Livelihood and Well-Being: Statistics on Rural Development and Agriculture Household Income. *New York and Geneva*, United Nation.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. (2025). *Tình hình kinh tế - xã hội tháng 12, 12 tháng năm 2024 và tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ*, số 15/BC-UBND.